

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 468/2024/DS-PT

Ngày 27 tháng 6 năm 2024

V/v Tranh chấp thừa kế tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán: Ông Phan Tô Ngọc

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 896/2023/TLPT-DS ngày 27 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1052/2024/QĐPT-DS ngày 06 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1955 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp D, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị X: Ông Trần Huy L, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp D, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Kim S, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số C, đường T, khóm E, phường E, thành phố B (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1959. Địa chỉ: Số D, đường T, khóm G, phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số A đường T, khóm G, phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt)

3. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1964. Địa chỉ: Số D đường T, khóm E, phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin xét xử vắng mặt)

4. Bà Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, đường B, Khóm B, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thanh T1: Ông Trần Nhật M, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số A đường B, Khóm B, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt)

5. Ông Nguyễn Thành L1, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Số C, đường T, khóm E, phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Chỗ ở hiện nay: Khóm H, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

6. Bà Nguyễn Thanh L2, sinh năm 1968. Địa chỉ: Số C đường T, khóm E, phường E, thành phố B; tỉnh Bạc Liêu (có mặt)

7. Ông Nguyễn Kim T2, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số E, ấp N, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có mặt)

8. Bà Nguyễn Thị Trúc U, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số E, A, A, SA 5010 ADELAIDE, Australia.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Trúc U: Ông Trần Huy L, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp D, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt)

9. Bà Hứa Anh T3, sinh năm 1979 (có mặt)

10. Anh Nguyễn Kim T4, sinh năm 1997 (vắng mặt)

11. Cháu Nguyễn Trọng T5, sinh năm 2007 (vắng mặt)

12. Cháu Nguyễn Tấn T6, sinh năm 2014 (vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật cho cháu Nguyễn Trọng T5, cháu Nguyễn Tấn T6: Ông Nguyễn Kim S và bà Hứa Anh T3 (có mặt)

Địa chỉ: Số C, đường T, khóm E, phường E, thành phố B

13. Chị Trần Mỹ Y, sinh năm 1990 (vắng mặt)

14. Anh Quách Anh H1, sinh năm 2000 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số C, đường T, khóm E, phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thanh T1, ông Nguyễn Kim T2, ông Nguyễn Thành L1, bà Nguyễn Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nhà và đất là của cụ Nguyễn Văn M1 chết 2007, cụ Đỗ Thị S1 chết 1988. Con cụ S1 và cụ M1 gồm 10 người: Bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị T7, ông Nguyễn Thành L1, bà Nguyễn Thanh L2, ông Nguyễn Kim T2, ông Nguyễn Thanh S2, bà Nguyễn Thị Trúc U. Trước khi chết, cụ S1 và cụ M1 không để lại di chúc. Nay bà X yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất đo đạc thực tế là 234,50m² và căn nhà trên đất theo quy định pháp luật cho các anh em, bà yêu cầu được nhận giá trị tài sản.

Bị đơn ông Nguyễn Kim S trình bày: Nhà và đất là của ông bà nội để lại cho cha mẹ ông là cụ Nguyễn Văn M1 và cụ Đỗ Thị S1 đã trên 70 năm. Bà X yêu cầu chia thừa kế diện tích đất đo đạc thực tế là 234,50m² ông không đồng ý, do là đất và nhà làm phủ thờ cha mẹ và là nơi các anh em đang sinh sống. Hiện nay đất và nhà do vợ chồng các con ông cùng với bà Nguyễn Thanh L2 và con bà L2 đang ở trên đất. Trường hợp Tòa án chia thừa kế thì ông yêu cầu nhận hiện vật, đồng ý trả giá trị lại cho các anh chị em.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh T trình bày: Ông thống nhất với ông S về nguồn gốc đất của ông bà nội để lại cho cha mẹ ông là cụ M1, cụ S1. Bà X yêu cầu chia thừa kế ông không đồng ý, ông thống nhất ý kiến của ông S để nhà và đất làm phủ thờ. Trường hợp Tòa án chia thừa kế thì ông xin nhận hiện vật, hoàn giá trị cho các anh em.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Bà thống nhất về nguồn gốc đất, về mối quan hệ gia đình và yêu cầu chia thừa kế của bà X. Bà yêu cầu nhận giá trị tài sản được chia.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H trình bày: Ông thống nhất nguồn gốc đất là của ông bà để lại cho cha mẹ. Ông yêu cầu để nhà và đất làm phủ thờ. Trường hợp Tòa án chia thừa kế thì ông yêu cầu nhận hiện vật, đồng ý trả giá trị cho các anh em.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thanh T1 trình bày: Nguồn gốc đất là của ông bà để lại cho cụ M1, cụ S1. Bà T1 thống nhất yêu cầu chia thừa kế của bà X. Bà T1 yêu cầu được nhận giá trị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành L1 trình bày: Nguồn gốc đất ông thống nhất với bà X và về việc chia thừa kế. Ông yêu cầu nhận giá trị nhà và đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thanh L2 trình bày: Bà thống nhất nguồn gốc đất là của ông bà để lại cho cha mẹ. Bà yêu cầu để nhà và

đất làm phủ thờ. Trường hợp Tòa án chia thừa kế thì bà yêu cầu nhận hiện vật, đồng ý trả trả giá trị cho các anh em.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Kim T2 trình bày: Ông thống nhất nguồn gốc đất là của ông bà để lại cho cha mẹ. Ông yêu cầu để nhà và đất làm phủ thờ. Trường hợp Tòa án chia thừa kế thì ông yêu cầu nhận giá trị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Trúc U trình bày: Bà yêu cầu Tòa giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật, bà yêu cầu được nhận giá trị. Bà xác định có gửi tiền về sửa chữa nhà nhưng không lưu lại chứng từ nên không yêu cầu giải quyết phần tiền này, bà yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hứa Anh T3 trình bày: Bà thống nhất ý kiến của chồng bà là ông Nguyễn Kim S. Bà không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Kim T4 trình bày: Anh thống nhất ý kiến của ông Nguyễn Kim S.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, khoản 4 Điều 34, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280, Điều 474, Điều 476, Điều 477, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 129, Điều 166, Điều 609, 610, 611, 612, 623, khoản 1 Điều 668 Bộ luật dân sự 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Án lệ số 05/2016/AL ngày 06/4/2016; Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị X khởi kiện ông Nguyễn Kim S yêu cầu chi thừa kế di sản của cha mẹ là cụ Nguyễn Văn M1 và cụ Đỗ Thị S1.

2. Giao căn nhà số C, đường tỉnh lộ 38, Khóm E, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích theo đo đạc thực tế 234,5m² cho ông Nguyễn Kim S và bà Nguyễn Thanh L2 được quyền sở hữu, quản lý sử dụng.

3. Buộc ông Nguyễn Kim S và bà Nguyễn Thanh L2 có nghĩa vụ liên đới hoàn lại giá trị kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế gồm bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thanh T1, ông Nguyễn Thành L1, ông Nguyễn Kim T2, bà Nguyễn Thị Trúc U mỗi người số tiền 153.447.363 đồng (*một trăm năm mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm sáu mươi ba đồng*).

4. Ông Nguyễn Kim S và bà Nguyễn Thanh L2 có quyền kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vào các ngày 17/8/2023, 21/8/2023, 23/8/2023, 28/8/2023 và 31/8/2023, bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Thành L1, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Kim T2, bà Nguyễn Thanh T1 lần lượt có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Ngày 31/8/2023, đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thanh T1 có đơn xin rút lại yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, xác định lại giá trị tài sản tranh chấp với giá là 3 tỷ đồng và chia di sản thừa kế thành 10 kỷ phần bằng nhau. Bà X được nhận hiện vật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Thành L1, ông Nguyễn Kim T2 vẫn giữ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, xác định lại giá trị tài sản tranh chấp với giá là 3 tỷ đồng và chia đều cho các thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh T, bà Hứa Anh T3 đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Bị đơn Nguyễn Kim S không đồng ý kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, yêu cầu Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có căn cứ. Bà X kháng cáo không đồng ý giành 1 kỷ phần công sức gìn giữ quản lý tài sản cho bị đơn, tuy nhiên phía bị đơn là người quản lý, gìn giữ tôn tạo tài sản vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm giành 1 kỷ phần thừa kế cho bị đơn là có căn cứ. Đối với kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu xác định giá trị di sản là 3 tỷ đồng và chia đều cho các đồng thừa kế. Tuy nhiên, nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu định giá lại tài sản, không

cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của nguyên đơn và những người có quyền và nghĩa vụ liên quan, giữ y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Kim T2, ông Nguyễn Thành L1 và bà Nguyễn Thị Đ được làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thanh T1, ngày 31/8/2023, bà Nguyễn Thanh T1 có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Cùng ngày, đại diện theo ủy quyền của bà T1 cũng đã có đơn rút kháng cáo. Sau đó, bà T1 cũng không nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên kháng cáo của bà T1 là không hợp lệ, thuộc trường hợp trả lại đơn kháng cáo theo quy định tại Điều 274 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm không trả lại đơn kháng cáo mà thụ lý kháng cáo của bà T1 là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét kháng cáo của bà Nguyễn Thanh T1.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do hoặc có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về thời hiệu yêu cầu chia thừa kế: Các đương sự thống nhất xác định cụ Đỗ Thị S1, sinh năm 1932, chết năm 1988; cụ Nguyễn Văn M1, sinh năm 1931, chết năm 2007. Căn cứ Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015, thời hiệu yêu cầu chia thừa kế vẫn còn.

[3.2] Về di sản thừa kế: Các đương sự thống nhất khai nhận, tài sản tranh chấp chia thừa kế là căn nhà số C, đường tỉnh lộ 38, Khóm E, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích theo đo đạc thực tế 234,5m² (theo sổ mục kê 2016 diện tích 231,8m² thuộc thửa 33, tờ bản đồ 39 chưa ai đăng ký kê khai; còn theo Sổ mục kê năm 1997 thì thuộc thửa 63, tờ bản đồ 32 diện tích 218,1m² do cụ Nguyễn Văn M1 đứng tên kê khai), đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có nguồn gốc do cha mẹ là cụ Đỗ Thị S1 và cụ Nguyễn Văn M1 tạo lập. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên là di sản của cụ M1 và cụ S1.

[3.3] Về hàng thừa kế: Các đương sự thống nhất, cụ Nguyễn Văn M1 và cụ Đỗ Thị S1 có tổng cộng 10 người con chung gồm các ông bà: Nguyễn Thị X, Nguyễn Minh T, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Thành L1, Nguyễn Thanh L2, Nguyễn Kim T2, Nguyễn Kim S, Nguyễn Thị Trúc U. Ngoài ra, các cụ không có con riêng hay con nuôi nào khác.

[3.4] Cụ M1 và cụ S1 chết không để lại di chúc. Do đó, nhà đất của các cụ để lại sẽ được chia thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của các cụ gồm 10 người con nêu trên. Theo đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị X yêu cầu được tài sản nhưng quá trình tố tụng, tại phiên họp tiếp cận và công khai chứng cứ, bà X thay đổi yêu cầu được nhận giá trị. Ông Nguyễn Kim S và bà Nguyễn Thanh L2 thống nhất yêu cầu nhận chung nhà và đất, đồng thời đồng ý hoàn lại giá trị cho các đồng thừa kế khác. Ông Nguyễn Minh T và ông Nguyễn Thanh H đều có yêu cầu nhận nhà và đất, đồng ý hoàn lại giá trị cho các đồng thừa kế khác. Các đồng thừa kế còn lại gồm bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thanh T1, ông Nguyễn Thành L1, ông Nguyễn Kim T2, bà Nguyễn Thị Trúc U đều có yêu cầu nhận giá trị.

[3.5] Di sản của cụ M1, cụ S1 theo kết quả xem xét, thẩm định, định giá tài sản ngày 21/02/2022, như sau:

- Nhà trệt I phía trước có kết cấu cột gạch, mái lợp tol màu, nền lót gạch bông diện tích $112,8m^2 = 111.000.000$ đồng.

- Nhà trệt II phía sau có kết cấu cột gạch, mái lợp Fibrociment, nền lót gạch bông diện tích $41,44m^2 = 287.000.000$ đồng.

- Mái che lợp tol, cột sắt, mái sắt, nền xi măng diện tích $32,85m^2 = 16.000.000$ đồng.

- Đất diện tích $234,5m^2 \times 5.432.500$ đồng = 1.273.921.250 đồng.

Tổng giá trị tài sản: 1.687.921.250 đồng, được chia 11 kỳ phần thì mỗi kỳ phần có giá trị tương đương 153.447.363 đồng.

Xét thấy, di sản thừa kế chỉ có căn nhà gắn liền với đất tại số C, đường tỉnh lộ 38, khóm E, phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu hiện do 02 gia đình đang quản lý, sử dụng gồm vợ chồng ông Nguyễn Kim S cùng 03 người con và bà Nguyễn Thanh L2 cùng 02 người con đang quản lý, sinh sống trong căn nhà này. Ông S và bà L2 không có nơi ở khác, nên yêu cầu nhận hiện vật chung. Đối với ông T và ông H đều có yêu cầu nhận nhà và đất. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, ông T và ông H đều xác định các ông có nơi ở ổn định, ông H còn xác định hiện ông có nhiều căn nhà khác. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giao nhà và đất cho ông S và bà L2 được sở hữu toàn bộ di sản của cụ M1, cụ S1 và buộc ông S, bà L2 có nghĩa vụ liên đới hoàn trả giá trị nhà đất cho các đồng thừa kế khác gồm các ông bà Nguyễn Thị X, Nguyễn Minh T, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Thành L1,

Nguyễn Kim T2, Nguyễn Thị Trúc U là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3.6] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà X kháng cáo yêu cầu chia di sản thừa kế thành 10 kỷ phần theo giá thị trường và yêu cầu được nhận hiện vật. Tuy nhiên, như phân tích tại mục [3.4], ông S, bà L2 là người quản lý, gìn giữ di sản nên dành 01 kỷ phần cho ông S và bà L2 theo Án lệ số 05/2016/AL ngày 06/4/2016, Tòa án cấp sơ thẩm chia di sản thành 11 kỷ phần là đúng quy định. Mặt khác, bà X vẫn còn có chỗ ở khác và tại phiên họp tiếp cận và công khai chứng cứ, bà X cũng yêu cầu được nhận giá trị di sản thừa kế, trong khi ông S bà L2 đang sinh sống tại nhà đất tranh chấp và không còn nơi ở khác nên Tòa án cấp sơ thẩm giao hiện vật cho ông S bà L2, chia giá trị cho bà X là phù hợp.

[3.7] Nguyên đơn bà X và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông, bà Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thành L1, Nguyễn Kim T2 yêu cầu chia di sản thừa kế theo giá thị trường hiện nay vì giá Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng làm căn cứ chia thừa kế là quá thấp, không đúng với giá thị trường thực tế. Các ông bà yêu cầu được nhận nhà đất và hoàn trả giá trị cho các đồng thừa kế khác với giá 3.000.000.000 đồng(giá trị tài sản tranh chấp theo biên bản định giá ngày 21/02/2022 là 1.687. 921.000 đồng). Tuy nhiên, khi tiến hành chia di sản thừa kế, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành định giá phần nhà đất là di sản. Thủ tục định giá được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Kết quả định giá thể hiện tại biên bản định giá tài sản ngày 21/02/2022 của Hội đồng định giá. Tại biên bản này thể hiện đại diện theo ủy quyền của bà X và bà Đ thống nhất với kết quả định giá (BL 177). Tại buổi họp công khai chứng cứ và phiên tòa sơ thẩm, các đương sự khác cũng được công khai kết quả định giá nhưng không ai có ý kiến phản đối. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm sử dụng kết quả định giá nêu trên làm căn cứ giải quyết vụ án là phù hợp. Bên cạnh đó, căn cứ theo quy định tại Điều 59 Luật Thi hành án dân sự, khoản 10 Điều 1 Nghị định số 33/2020/NĐ-CP quy định về điều kiện tổ chức định giá tài sản tại thời điểm thi hành án thì tại thời điểm thi hành án, giá tài sản thay đổi tăng hoặc giảm từ 20% trở lên so với giá trị tài sản khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật thì các đương sự có quyền yêu cầu định giá lại tài sản. Như vậy, tại giai đoạn Thi hành án, nếu chứng minh được giá trị tài sản thi hành án thay đổi tăng hoặc giảm 20% trở lên thì bà X, bà Đ, ông L1, bà T2 có quyền yêu cầu định giá lại tài sản để thi hành án. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của bà X, bà Đ, ông L1, ông T2.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Kim T2, ông Nguyễn Thành L1 và bà Nguyễn Thị Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, do cách tuyên tại quyết định của bản án sơ thẩm chưa phù hợp nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Kim T2, ông Nguyễn Thành L1 phải chịu; bà Nguyễn Thị X và bà Nguyễn Thị Đ là người cao tuổi nên được miễn, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Kim T2, ông Nguyễn Thành L1 và bà Nguyễn Thị Đ; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Điều chỉnh về cách tuyên cho phù hợp:

Áp dụng Điều 129, Điều 166, Điều 609, 610, 611, 612, 623, khoản 1 Điều 668 Bộ luật dân sự 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Án lệ số 05/2016/AL ngày 06/4/2016; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị X khởi kiện ông Nguyễn Kim S yêu cầu chi thừa kế di sản của cha mẹ là cụ Nguyễn Văn M1 và cụ Đỗ Thị S1.

2. Xác định căn nhà số C, đường T, Khóm E, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích theo đo đạc thực tế 234,5m² là di sản thừa kế do cha mẹ cụ Nguyễn Văn M1 và cụ Đỗ Thị S1 để lại.

Bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thanh T1, ông Nguyễn Thành L1, ông Nguyễn Kim T2, bà Nguyễn Thị Trúc U mỗi người được hưởng 1/11 giá trị căn nhà số C, đường T, Khóm E, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích theo đo đạc thực tế 234,5m² tương đương số tiền 153.447.363 đồng (*một trăm năm mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm sáu mươi ba đồng*), tại thời điểm định giá theo biên bản định giá ngày 21/02/2022.

Ông Nguyễn Kim S và bà Nguyễn Thanh L2 được hưởng 3/11 giá trị căn nhà số C, đường T, Khóm E, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích theo đo đạc thực tế 234,5m² tương đương số tiền 153.447.363 đồng/1 kỷ phần x 3 = 460.342.000 đồng (*bốn trăm sáu mươi triệu, ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng*).

3. Giao căn nhà số C, đường tỉnh lộ 38, Khóm E, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích theo đo đạc thực tế 234,5m² cho ông Nguyễn Kim S và bà Nguyễn Thanh L2 được quyền sở hữu, quản lý sử dụng.

4. Buộc ông Nguyễn Kim S và bà Nguyễn Thanh L2 có nghĩa vụ liên đới hoàn lại giá trị kỹ phân thừa kế cho các đồng thừa kế gồm bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thanh T1, ông Nguyễn Thành L1, ông Nguyễn Kim T2, bà Nguyễn Thị Trúc U mỗi người được hưởng 1/11 giá trị căn nhà số C, đường tỉnh lộ 38, Khóm E, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích theo đo đạc thực tế 234,5m² tương đương số tiền 153.447.363 đồng (*một trăm năm mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm sáu mươi ba đồng*), theo biên bản định giá ngày 21/02/2022.

5. Ông Nguyễn Kim S và bà Nguyễn Thanh L2 có quyền kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở theo quy định pháp luật sau khi hoàn trả hết số tiền trên.

6. Trường hợp Nguyễn Kim S và bà Nguyễn Thanh L2 không thanh toán số tiền nêu trên, thì phải phát mãi căn nhà số C, đường T, Khóm E, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích theo đo đạc thực tế 234,5m² và thanh toán cho các thừa kế hưởng 1/11 giá trị căn nhà số C, đường T, Khóm E, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích theo đo đạc thực tế 234,5m².

Thực hiện tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu hoặc tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

7. Chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản tổng số tiền 2.230.000 đồng. Bà X đã nộp và chi hết; nên buộc ông T, bà Đ, ông H, bà T1, ông L1, bà L2, ông T2, ông S và bà U mỗi người hoàn lại cho bà X số tiền 223.000 đồng (*hai trăm hai mươi ba nghìn đồng*).

8. Án phí:

8.1 Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thanh T1, ông Nguyễn Thành L1, bà Nguyễn Thanh L2, ông Nguyễn Kim T2, bà Nguyễn Thị Trúc U mỗi người phải nộp án phí 5% giá trị tài sản được nhận là 7.672.000 đồng (*bảy triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn đồng*); ông Nguyễn Kim S phải nộp án phí 5% giá trị tài sản được nhận là 15.344.000 đồng (*mười lăm triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*).

8.2 Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị X và bà Nguyễn Thị Đ được miễn.

Ông Nguyễn Kim T2, ông Nguyễn Thành L1, mỗi người phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu số 0000492 ngày 06/9/2023 và 0000490 ngày 05/9/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

9. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền trên đây, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

10. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP . HCM;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Thanh Thúy